TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 269/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/03/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phục
2. Bà Phạm Thị Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 66/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp ‘‘Ly hôn’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đinh H – sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: 304/39 đường C, Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Phạm Thị T - sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: 97/220 đường M (số mới 03 đường S), Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 11/02/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn – ông Nguyễn Đinh H trình bày: Ông và bà Phạm Thị Thắm tự nguyện kết hôn với nhau năm 2016 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 63/2016 do UBND Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/05/2016), bản

chính giấy chứng nhận kết hôn đã mất. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn nên thường xuyên cãi vã, để tránh điều đáng tiếc xảy ra vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 4/2021 đến nay. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 1 con chung là Nguyễn Phạm Thiên A – sinh ngày 02/10/2020. Sau khi ly hôn ông giao trẻ A cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hàng tháng ông cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ. Nếu bà T không nuôi con, ông đồng ý nuôi con và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng như ý kiến của bà T.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn – bà Phạm Thị T trình bày: Bà và ông H kết hôn từ năm 2016 đến nay, quá trình chung sống ông H thường xuyên nhậu, còn có người phụ nữ khác bên ngoài nhưng bà vẫn bỏ qua mong chồng thay đổi để cùng chăm lo cho con. Từ tháng 4/2021 đến nay bà và con về nhà bố mẹ đẻ sống để nhờ mẹ phụ nuôi con do ông H không phụ bà chăm con. Nay ông H yêu cầu ly hôn, bà không đồng ý ly hôn vì để con được chăm sóc chu đáo có cha, có mẹ.

Về con chung: Có 1 con chung là Nguyễn Phạm Thiên A – sinh ngày 02/10/2020. Nếu phải ly hôn bà giao con cho ông H nuôi dưỡng, hàng tháng bà cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn – ông Nguyễn Đinh H trình bày: Quá trình chung sống tình cảm của ông và bà T bình thường, khi vợ chồng có tranh cãi bà T thường có những lời lẽ không tôn trọng ông, 4-5 lần bà T còn đánh ông, đòi ly hôn. Từ tháng 4/2021 đến nay vợ chồng đã đã ly thân, nay ông yêu cầu được ly hôn với bà T. Ông đang làm bảo vệ, thời gian làm việc từ 7 giờ sáng đến 7 giờ tối, lương 6.500.000đ/tháng, ông yêu cầu được nuôi con, về phần cấp dưỡng nuôi con tùy theo quyết định của bà T, vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn – bà Phạm Thị T trình bày: Quá trình chung sống ông H thường đi nhậu nên bà có lớn tiếng nói nếu ông H không thay đổi thì ly hôn nhưng từ khi kết hôn đến nay bà chưa bao giờ làm đơn ly hôn. Từ cuối năm 2020 bà và ông H về nhà bố mẹ bà sinh sống để gia đình nhà ngoại phụ bà chăm sóc con, từ tháng 4/2021 đến nay ông H không còn sống cùng vợ con. Con từ khi sinh ra đến nay bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà không đồng ý ly hôn vì còn thương chồng, muốn con có đủ tình thương của cả cha và mẹ. Hiện bà đang làm công ty, lương 10.000.000đ/tháng nếu phải ly hôn thì bà giao con cho ông H nuôi để ông H có trách nhiệm với con, hàng tháng bà cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ. Bà và ông H không có tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận cho Nguyên đơn được ly hôn, do con chung dưới 36 tháng tuổi nên giao cho Bị đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà T có nơi cư trú tại quận Tân Bình. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông H thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – ông H, Bị đơn – bà T có mặt.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số: 63/2016 do UBND Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/05/2016 thì quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Ông H yêu cầu được ly hôn với bà T vì quá trình chung sống không hạnh phúc do có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, từ tháng 4/2021 đến nay vợ chồng đã ly thân. Bà T cho rằng quá trình chung sống ông H thường xuyên nhậu, có người phụ nữ khác bên ngoài nhưng bà bỏ qua cho ông H để cùng chăm lo tốt nhất cho con.

Xét thấy: Mâu thuẫn của ông H, bà T có từ lâu, thời gian ly thân đã gần 02 năm, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H, cho ông H được ly hôn bà T để hai bên cùng ổn định cuộc sống.

[5] Về quan hệ con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số: 287 do UBND Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/10/2020 thì trẻ Nguyễn Phạm Thiên A – sinh ngày 02/10/2020 là con chung của ông Nguyễn Đinh H và bà Phạm Thị T.

Ông H yêu cầu được nuôi con và đồng ý với mức cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng theo ý kiến của bà T. Nếu phải ly hôn bà T đề nghị giao con cho ông H nuôi dưỡng, hàng tháng bà T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ.

Xét thấy: Trẻ A là bé gái dưới 36 tháng tuổi, từ khi sinh ra đến nay bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Thời gian làm việc của ông H không đảm bảo cho việc chăm sóc, học hành, sinh hoạt của trẻ An được tốt nhất nên để đảm bảo quyền lợi cũng như không ảnh hưởng đến sinh hoạt của trẻ A, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ A cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án ông H yêu cầu giao trẻ A cho bà T trực tiếp chăm sóc, hàng tháng cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ. Nếu giao con cho ông H nuôi dưỡng hàng tháng bà T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng là phù hợp với nhu cầu của trẻ A cũng như khả năng của ông H nên buộc ông H cấp dưỡng nuôi trẻ A 5.000.000đ/tháng cho đến khi thành niên.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H, bà T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5; điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ông Hiếu phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được cấn trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông H phải chịu 300.000đ tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5; điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – ông Nguyễn Đinh Hiếu.

a. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đinh H được ly hôn bà Phạm Thị T.

b. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Thiên A – sinh ngày 02/10/2020 cho bà Phạm Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Hàng tháng ông Nguyễn Đinh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Phạm Thiên A 5.000.000đ (Năm triệu đồng), thực hiện từ tháng 3/2023 cho đến khi trẻ Nguyễn Phạm Thiên A thành niên.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Nguyễn Đinh H chịu, được cấn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Đinh H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0008682 ngày 02/02/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Đinh H còn phải chịu 300.0000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

3/ Kể từ ngày có Đơn yêu cầu thi hành án của bà Phạm Thị T đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Đinh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5/ Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Đinh H, bà Phạm Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

6/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương